

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về
phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (viết tắt là Nghị quyết số 68-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I - ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong thời gian qua, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh đã từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Gia Lai hiện có khoảng 17.500 doanh nghiệp và khoảng 66.000 hộ kinh doanh đang hoạt động, mật độ doanh nghiệp khoảng 05 doanh nghiệp hoạt động/người dân, tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 9%/năm, đóng góp khoảng 80% GRDP địa phương, khoảng 23% tổng thu ngân sách nhà nước, sử dụng khoảng 94% tổng số lao động; đóng góp thiết thực vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh hiện vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, chưa bứt phá về quy mô và năng lực cạnh tranh. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô siêu nhỏ và nhỏ; mật độ doanh nghiệp đang hoạt động/người dân thấp hơn mức bình quân chung của cả nước; số lượng hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp còn thấp; tiềm lực tài chính và trình độ quản trị hạn chế; phần lớn doanh nghiệp có năng lực quản trị, công nghệ thấp; năng suất lao động, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh chưa cao; thiếu kết nối giữa các doanh nghiệp với nhau, với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên, nhưng chủ yếu là do: Tư duy, nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế còn chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa được quan tâm đúng mức. Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao. Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả, khó tiếp cận và chưa sát thực tế; chi phí kinh doanh còn cao.

II – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của kinh tế

tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 68-NQ/TW thành các mục tiêu, kế hoạch, đề án, chính sách, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về phát triển kinh tế tư nhân: Từng bước xây dựng kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng nhằm phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong nhân dân cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh.

2. Yêu cầu

- Nội dung Kế hoạch đảm bảo đầy đủ tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương; trong đó nhận thức đầy đủ và sâu sắc rằng kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, bảo đảm khả năng cạnh tranh. Thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, làm giàu hợp pháp và có cơ chế, chính sách mang tính đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, bền vững.

- Thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển quy mô doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chương trình, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong đó định hình những hoạt động, nội dung mang tính chiến lược, huy động nguồn lực phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần đưa Gia Lai trở thành một điểm sáng về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể trong quá trình phát triển; người đứng đầu các cấp, sở, ngành của tỉnh phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân tỉnh Gia Lai có đạo đức, văn hóa kinh doanh, bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo, nỗ lực vươn lên; tôn vinh, cổ vũ doanh nhân có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, khát vọng cống hiến, ý thức thượng tôn pháp luật và tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội.

- Thực hiện lồng ghép và phối hợp đồng bộ với các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

III - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu các chủ trương, đường lối của Đảng, đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phần đầu có từ 50.000 đến 55.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 14 - 16 doanh nghiệp hoạt động/ngày. Có ít nhất 01 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân khoảng 10,5 - 11,5%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (10 - 10,5%/năm). Đóng góp khoảng 83 - 86% GRDP địa phương. Đóng góp khoảng 35 - 40% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Giải quyết việc làm cho khoảng 93 - 95% số lao động trên địa bàn tỉnh. Năng suất lao động tăng bình quân khoảng 12,5 - 13%/năm.

- Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tỉnh Gia Lai thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 30% trong tổng số doanh nghiệp.

2. Mục tiêu đến năm 2035

- Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; có năng lực cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

- Phần đầu có khoảng 70.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân khoảng 10,5 - 11%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Đóng góp khoảng 85 - 87% GRDP địa phương. Đóng góp khoảng 40 - 45% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Giải quyết việc làm cho khoảng 95 - 96% số lao động trên địa bàn tỉnh. Năng suất lao động tăng bình quân khoảng 11 - 11,5%/năm.

IV - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 68-NQ/TW, các Nghị quyết, kế hoạch triển khai thực hiện của Quốc hội, Chính phủ và Kế hoạch này; đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền; cụ thể hóa nội dung cho từng đối tượng, đặc biệt là phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, cá

nhân kinh doanh và người dân. Triển khai xây dựng Đề án, các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; trong đó nhiệm vụ, giải pháp thực hiện rõ ràng gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, bảo đảm tính khả thi, phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh xây dựng chương trình truyền thông chuyên đề về phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao chất lượng nội dung, chú trọng tính định hướng dư luận, phản ánh đúng thực tiễn. Ưu tiên phản ánh các mô hình, doanh nhân tiêu biểu, sáng kiến có giá trị lan tỏa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh với thông tin sai lệch, gây hoang mang hoặc làm ảnh hưởng uy tín của doanh nghiệp, doanh nhân. Tăng cường sử dụng nền tảng số để mở rộng phạm vi tiếp cận, lan tỏa thông tin tích cực về kinh tế tư nhân.

- Tổ chức các hội nghị đối thoại công - tư chuyên đề, chương trình “chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp”, chuỗi diễn đàn doanh nhân trẻ, khởi nghiệp... để tạo môi trường trao đổi thông tin, phản biện chính sách, tăng sự tin cậy, tương tác giữa hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp.

2. Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

2.1 - Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách

- Xây dựng mô hình chính quyền kiến tạo và phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, coi khó khăn của người dân, doanh nghiệp là khó khăn của mình để chủ động hỗ trợ, đồng hành, tháo gỡ; hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, không can thiệp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trái với nguyên tắc thị trường; xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền với doanh nghiệp cởi mở, thân thiện, đồng hành, liên chính phục vụ, kiến tạo phát triển.

- Quán triệt toàn thể công chức, viên chức, người lao động về đổi mới mạnh mẽ tư duy hành chính từ kiểm soát sang đồng hành, coi doanh nghiệp là đối tượng “phục vụ” thay vì đối tượng “quản lý”, đảm bảo nguyên tắc “nói đi đôi với làm, giảm thiểu can thiệp hành chính, xóa bỏ cơ chế “xin - cho” và tư duy “không quản được thì cấm”.

- Thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với tăng cường giám sát, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, quản trị hiện đại, vận hành hiệu quả trên nền tảng dữ liệu mở, liên thông, minh bạch.

- Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, thủ tục hành chính, xây dựng, tài nguyên, môi trường,...) thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, đề xuất loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân. Thực hiện tích hợp, hệ thống hóa các văn bản pháp luật, các điều kiện kinh doanh trên môi trường điện tử nhằm đảm bảo minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ áp dụng cho doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, đề xuất chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm tại một số lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

- Đẩy mạnh xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp trong đó chú trọng việc ứng dụng mạnh mẽ số hóa, minh bạch hóa, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nhất là về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn...

- Trong năm 2025, hoàn thành thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo. Triển khai việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Thực hiện các giải pháp cải thiện mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp qua các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI. Phấn đấu đến năm 2030, Gia Lai thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về cải cách hành chính và chỉ số PCI.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền và xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu, tránh đùn đẩy, chồng chéo trong giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, trục lợi, tiêu cực trong quá trình thực thi công vụ, gây cản trở hoặc làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Kèm theo đó là cơ chế miễn trừ trách nhiệm hợp lý trong trường hợp cán bộ đã làm đúng quy trình, không trục lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.

- Rà soát, điều chỉnh, đơn giản hóa các chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo hướng: Thủ tục hồ sơ gọn nhẹ, dễ tiếp cận, dễ kiểm soát; định mức hỗ trợ hợp lý, phù hợp thị trường; bảo đảm đủ nguồn lực triển khai từ ngân sách và các quỹ xã hội hóa; khuyến khích các hiệp hội, viện nghiên cứu, trường đại học cùng tham gia hỗ trợ.

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm và 05 năm; chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí hoặc tổng hợp, đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, doanh nhân, hiệp hội doanh nghiệp trong quá trình góp ý, phản biện, xây dựng và đánh giá chính sách, bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả.

- Đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng nội địa, đa dạng hóa chuỗi cung ứng và kênh phân phối, phát triển mạnh các nền tảng thương mại điện tử, logistics hiện đại, nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại thông qua các chương trình xúc tiến thương mại cấp tỉnh và cấp quốc gia nhằm hỗ trợ tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp; tổ chức các hội nghị, hội thảo thông tin tuyên truyền phổ biến các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm tận dụng các cơ hội, khắc phục những hạn chế, thách thức, khai thác, phát huy tối đa các lợi thế của các Hiệp định FTA qua đó thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu.

2.2 - Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

- Xây dựng và ban hành cơ chế xử lý đặc thù đối với các dự án, hợp đồng tồn đọng, kéo dài nhiều năm, gây lãng phí, thất thoát nguồn lực xã hội và cản trở hoạt động của doanh nghiệp tư nhân. Cơ chế này cần gắn với trách nhiệm pháp lý rõ ràng của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng pháp luật.

- Kiên quyết chấm dứt tình trạng chậm thanh toán nghĩa vụ tài chính, hợp đồng giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân. Ban hành quy định cụ thể về chế tài xử lý nếu vi phạm thời hạn thanh toán.

- Thúc đẩy hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đăng ký, định giá tài sản trí tuệ, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong nước và mở rộng đăng ký tại thị trường nước ngoài.

- Thực thi hiệu quả quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; quyết liệt đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái, hàng lậu, vi phạm bản quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đúng pháp luật.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.

2.3 - Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm

- Quán triệt, tuân thủ nguyên tắc áp dụng pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự khi xử lý sai phạm, vụ việc dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện

pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước, cho phép các doanh nghiệp, doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại.

- Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong toả tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong toả tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án.

- Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp của cá nhân những người quản lý trong doanh nghiệp.

3. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, pháp lý và nhân lực chất lượng cao

3.1 - Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân

- Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch liên quan, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy hoạch; công bố công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; tăng cường phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục cập nhật, hoàn thiện, nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu về đất đai, hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo đúng tiến độ, yêu cầu của Trung ương; tập trung phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, tạo sự đồng thuận trong việc thu hồi đất thực hiện dự án; đẩy nhanh tiến độ xác định giá đất cụ thể các dự án.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.

- Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chính sách: “Hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cho chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ; trên cơ sở yêu cầu, các chủ đầu tư dành một phần quỹ đất để đầu tư hạ tầng cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại”; “Hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ”.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ; đưa vào khai thác nguồn lực đất đai bị lãng phí, đất công, trụ sở cơ quan không sử dụng, đất trong các vụ việc tranh chấp, vụ án kéo dài. Có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương theo đúng quy định.

3.2 - Triển khai công tác quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển

- Tập trung xây dựng hoàn chỉnh và tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa các định hướng quy hoạch các ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh đảm bảo chất lượng cao, có tính bền vững, có tầm nhìn dài hạn qua đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, mục tiêu phân đầu giải ngân đạt 100% tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 và những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư các dự án cho giai đoạn 2026 - 2030, tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistic bao gồm cảng biển, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng cạn, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số. Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối các địa bàn: Cao nguyên - trung du - đồng bằng - ven biển và hệ thống thủy lợi (các hồ, kênh mương) qua đó tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng để doanh nghiệp đầu tư phát triển.

3.3 - Đẩy mạnh và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

- Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp tư nhân vay, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục cấp tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn, cho vay.

- Tiếp tục triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để cùng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Khẩn trương bổ sung chức năng, nhiệm vụ đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh để tăng nguồn cung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tài trợ vốn môi cho các dự án khởi nghiệp, cho vay khởi nghiệp; xây dựng vườn ươm và hỗ trợ khởi nghiệp. Triển khai mô hình đồng tài trợ của các quỹ Trung ương, địa phương, tư nhân và các tổ chức tài chính, tín dụng nhằm chia sẻ rủi ro và tăng mức ưu đãi cho các khoản vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống ngân hàng, thuế và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu về tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, xây dựng hệ thống tài chính minh bạch, chuẩn mực, chuẩn hoá chế độ kế toán, kiểm toán, thực hiện các giải pháp tăng uy tín và khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính.

3.4 - Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho kinh tế tư nhân

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh giai đoạn 2026 - 2031 nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, giải quyết tranh chấp pháp lý trong nước và ngoài nước; đổi mới công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động xã hội.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư sản xuất kinh doanh nói chung, quy định điều kiện kinh doanh nói riêng.

3.5 - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm. Khuyến khích phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, nhân rộng, chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế tư nhân.

- Thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung vào đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động tại các doanh nghiệp; đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu; đào tạo theo nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp; đào tạo trực tuyến cho doanh nghiệp.

- Chủ động huy động, lồng ghép, bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng giám đốc điều hành; huy động các doanh nhân thành đạt tham gia đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, truyền cảm hứng, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho đội ngũ doanh nhân.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách để thu hút con em, người lao động Gia Lai đang công tác, làm việc tại nước ngoài và các địa phương khác về làm việc tại địa phương. Làm việc với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh có chính sách tiền lương, đãi ngộ hợp lý để thu hút, giữ chân người lao động.

- Tăng cường công tác thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn, nhằm đảm bảo nhu cầu về nhà ở cho người lao động thu nhập thấp, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động ổn định cuộc sống, yên tâm lao động sản xuất tại các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo các kỹ năng sáng tạo, STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ trong tất cả các bậc học trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

4. Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt và có trọng tâm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong khu vực kinh tế tư nhân và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch; phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

- Bố trí nguồn lực để đầu tư, phát triển Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo tỉnh nhằm phục vụ ươm tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, đặc thù nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

- Tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng hạ tầng nghiên cứu khoa học và công nghệ dùng chung như: Phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thiết kế, đo lường, kiểm định của Nhà nước với mức phí hợp lý, công khai; trong đó ưu tiên cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Thúc đẩy, khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi phương thức sản xuất, kinh doanh xanh hơn, ứng dụng công nghệ chuyển đổi xanh, thân thiện với môi trường. Xây dựng tiêu chí thu hút các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp, công nghệ cao, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái theo tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo các dự án mới đều đảm bảo tiêu chí công nghệ tiên tiến, xanh, ít ô nhiễm môi trường.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, quỹ khoa học và công nghệ, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm mới, thương mại hóa tài sản trí tuệ.

- Khuyến khích doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển; sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm.

5. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

- Thúc đẩy phát triển, kết nối các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững dựa trên lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, có đồi núi thấp để phát triển các vùng chuyên canh lớn (cà phê, hồ tiêu, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi tập trung,...), có biển để phát triển các doanh nghiệp thủy sản công nghệ cao, hình thành các “cứ điểm nông - công nghiệp”, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển, kết nối các doanh nghiệp trong ngành du lịch để đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp kết nối đầu tư vào phát triển du lịch cộng đồng.

- Triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các sản xuất, chế biến. Hỗ trợ nâng cấp các doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt tiêu chuẩn liên kết với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp đến tìm hiểu, đầu tư vào tỉnh; nhất là thúc đẩy đầu tư của các doanh nghiệp lớn để hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp, tạo động lực dẫn dắt, lan tỏa, kích hoạt đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp lớn thực hiện chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp dịch vụ đào tạo, thử nghiệm sản phẩm, sử dụng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chương trình hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đạt các chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn ngành theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

- Tập trung thu hút các doanh nghiệp FDI để làm động lực, dẫn dắt doanh nghiệp trong tỉnh phát triển. Hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, xúc tiến thương mại để kết nối các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đặt vấn đề các dự án FDI lớn phải có kế hoạch sử dụng chuỗi cung ứng nội địa ngay từ giai đoạn phê duyệt dự án.

6. Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp có tiềm năng trở thành doanh nghiệp toàn cầu, trong đó tập trung vào các nội dung về: Ưu đãi về thuế, tín dụng, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; kết nối thị trường, hội nhập và phát triển xuất khẩu; xây dựng thương hiệu và nâng cao năng lực quản trị; phát triển hạ tầng và logistics.

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ phát triển thành doanh nghiệp lớn và vừa, các chính sách cần tập trung vào việc tăng cường năng lực quản lý, tiếp cận tài chính, mở rộng thị trường và phát triển nguồn nhân lực giúp doanh nghiệp nhỏ nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp cận thị trường mới và phát triển bền vững. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác trong chuỗi cung ứng để tạo ra giá trị gia tăng và phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh qua đó hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng Trung - Trung bộ.

- Triển khai các giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân đầu tư mở rộng và phát triển cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao, phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.

- Chủ động thực hiện các cơ chế đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu hoặc thiết kế các chính sách ưu đãi phù hợp nhằm khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào các dự án trọng điểm, nhiệm vụ nghiên cứu - triển khai (R&D).

- Đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả các hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân thông qua các mô hình hợp tác công - tư (PPP), lãnh đạo công - quản trị tư; đầu tư công - vận hành tư; đầu tư tư - phục vụ công trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng văn hóa - xã hội, công nghệ thông tin, truyền thông. Khuyến khích các hình thức quản lý mới trên cơ sở đánh giá bằng hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả sử dụng nguồn lực và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Bố trí, huy động, lồng ghép nguồn lực, tham gia triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu, tiên phong trong các lĩnh vực: Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp công nghệ cao; Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân của tỉnh mở rộng thị trường, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm - dịch vụ công nghệ cao, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam tại thị trường quốc tế.

7. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ về thủ tục hành chính, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh, vốn, đào tạo, hỗ trợ công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; thu hẹp tối đa sự chênh lệch về nghĩa vụ và quyền lợi giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán.

- Triển khai thực hiện chính sách “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thành lập mới, hộ kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai” trong đó cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn kế toán, thuế, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá các chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm xã hội để dễ tuân thủ, dễ áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn về nguồn vốn, năng lực quản trị, đào tạo lao động, tiếp cận thị trường. Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ tiếp cận các thị trường quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm quốc tế và các chương trình hỗ trợ chi phí xuất khẩu.

- Triển khai thúc đẩy khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, ưu tiên chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính vi mô, hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp để thiết kế các sản phẩm, dịch vụ tài chính - kế

toán - tư vấn phù hợp với đặc thù quy mô nhỏ và khả năng tiếp cận hạn chế của nhóm doanh nghiệp này.

8. Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước

- Chú trọng đến việc nâng cao chất lượng doanh nghiệp, doanh nhân, nhất là về xây dựng đội ngũ doanh nhân có đạo đức, bản lĩnh, văn hóa kinh doanh trong sáng, trung thực, minh bạch, trách nhiệm xã hội cao, gắn với bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa kinh doanh toàn cầu. Lấy đạo đức và văn hóa kinh doanh làm nền tảng, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện Quy chế xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu “Doanh nhân tiêu biểu” và “Doanh nghiệp tiêu biểu” tỉnh Gia Lai nhằm kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các doanh nhân tiêu biểu, doanh nghiệp điển hình trong kinh doanh bền vững, có đóng góp tích cực cho xã hội.

- Phát động phong trào “Toàn dân thi đua làm giàu” nhằm khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư để nâng cao đời sống và làm giàu một cách hợp pháp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh Gia Lai; phát huy vai trò của Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo tỉnh Gia Lai trong việc tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, huấn luyện xây dựng các ý tưởng khởi nghiệp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp để đưa những ý tưởng sáng tạo vào thực tiễn, góp phần đưa Gia Lai thành cái nôi của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cả nước.

- Thường xuyên tổ chức đối thoại để kịp thời tháo gỡ khó khăn, chia sẻ thông tin, bảo vệ doanh nghiệp, thúc đẩy môi trường đầu tư - kinh doanh lành mạnh. Huy động các doanh nhân tiêu biểu, có uy tín, có tâm và tầm tham gia vào hoạt động phản biện chính sách, quản trị nhà nước và đóng góp cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thiết lập mối quan hệ giữa các cấp ủy, chính quyền với doanh nghiệp chặt chẽ, thực chất, chia sẻ, cởi mở, chân thành, trong đó các cơ quan quản lý nhà nước phải chủ động, tận tụy giải quyết các vấn đề vướng mắc cho doanh nghiệp tư nhân theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền; đồng thời phát huy vai trò góp ý, phản biện chính sách của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trung thực, kịp thời, đúng bản chất các vấn đề khó khăn, vướng mắc; nghiêm cấm việc thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hóa cán bộ, công chức.

- Phát huy hơn nữa vai trò của Các Hội và Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là đại diện, cầu nối giữa cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp với các cơ quan quản

lý nhà nước trong hoạt động thông tin, tuyên truyền quy định, chính sách mới về doanh nghiệp; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hội viên để phản ánh tới các cơ quan có chức năng xử lý, giải quyết theo thẩm quyền; phát huy phản biện xã hội trong xây dựng chính sách.

- Ban hành chính sách phù hợp về xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phát triển đảng trong doanh nghiệp, doanh nhân và có cơ chế, quy định phù hợp đối với tổ chức đảng trong doanh nghiệp để những người ưu tú trong doanh nghiệp đứng vào hàng ngũ của Đảng.

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kế hoạch này; cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng địa phương, đơn vị; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt rộng rãi Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kế hoạch này đến các cấp ủy, đơn vị, địa phương, đảng viên, doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kế hoạch này.

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân, tri thức trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường vai trò của các doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân trong việc phối hợp thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chủ trì, phát động

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Căn cứ các Nghị quyết của Trung ương và Kế hoạch này, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn; phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ rõ ràng gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể; xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá; xác định rõ nguồn lực thực hiện đúng với tinh thần “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các cấp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ Địa phương II, VPTW Đảng,
- Các cơ quan Trung ương tại T26,
- Đảng ủy Chính phủ,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Hồ Quốc Dũng